

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HSPT

Ngày: 09 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

1/ Ông **Lê Nguyên Khoa**

2/ Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Quốc Vĩnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/HSPT ngày 05/02/2024 đối với bị cáo Lê Đỗ Phước L. Do có kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Anh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 109/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo bị kháng cáo:

Bị cáo **Lê Đỗ Phước L**, sinh năm 2003 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: số 63/6A, đường M, khóm 2, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề Nộp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Đỗ Thị Kim T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

2. Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: số 63/6A đường Mậu Thân, khóm 2, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo là: ông Lê Hữu P - Luật sư của Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị hại: Nguyễn Anh T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: số 135A, đường 2/9, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Châu Gia N, sinh ngày 23/5/2008 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Châu Gia N là: bà Châu Thị Thu H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: số 159/82/14C đường N, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Võ Thị N, sinh năm 1961 (có mặt).

Nơi DKHKTT: số 225, đường Lò Rèn, khóm 1, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú hiện nay: số 41/18A, khóm 2, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2022, chị Nguyễn Anh T, nơi cư trú: Số 135A đường 2/9, Phường 1, thành phố V đến nhà số 135A để kiểm tra thì phát hiện bị mất 02 cây sắt phi tròn dài 06 mét, 02 cuộn kẽm gai, 01 cây sắt hộp dài 06 mét, 25 tấm tole đã qua sử dụng, 20 cây sắt hộp dài 06 mét, 01 quạt thông gió, 50 cây sắt hộp dài 02 mét, 05 cây sắt hộp dài 03 mét, 01 lưới B40 đã qua sử dụng, 02 vỉ sắt đã qua sử dụng, 02 đà sắt, 02 khung cửa sắt. Qua kiểm tra camera tại nhà số 135A phát hiện có đối tượng đột nhập vào lấy trộm tài sản nên chị Thy đến Công an Phường 1, thành phố V để trình báo sự việc. Qua sàng lọc đối tượng N vẫn Công an Phường 1, thành phố V tiến hành mời Lê Đỗ Phước L, Nguyễn Bình A về trụ sở làm việc. Qua làm việc A, L thừa nhận đã lấy trộm tài sản tại nhà số 135A nên Công an Phường 1 đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Đỗ Phước L thừa nhận ngày 12/11/2022, Lê Đỗ Phước L cùng Châu Gia N đến nhà Nguyễn Bình A chơi. Tại đây, cả ba thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, A lấy ghe của bà Nguyễn Thanh Thúy L cùng L và N đến nhà số 135A đường 2/9, Phường 1, thành phố V (quán cà phê Mộc Nhiên cũ) để tìm tài sản lấy trộm, A là người bơi ghe. Khi đến nơi, A đậu ghe cặp mé sông phía sau nhà số 135A, sau đó A, L, N chui qua lỗ trống trên lưới rào B40 để lên bờ, rồi tiếp tục kéo cửa rào bằng lưới B40 để vào khuôn viên sân nhà số 135A lấy trộm nhiều loại sắt gồm sắt phi, sắt hộp, sắt gân, tole đem để xuống ghe rồi chở về bãi đất trống gần nhà A. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày An, L và N đem toàn bộ số sắt trộm được đến

vừa phế liệu bán cho bà Võ Thị N được số tiền 4.000.000 đồng, A chia cho L được 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ ngày 13/11/2022, L, A và N tiếp tục sử dụng ghe của bà L quay lại nhà số 135A để lấy trộm, sắt hộp loại 03 mét và 06 mét, sắt gân, vĩ sắt, khung cửa sắt, 02 cuộn kẽm gai, lưới B40. Sau khi lấy trộm, cả ba chở về để ở bãi đất trống gần nhà An. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 13/11/2022, An, L và N tiếp tục đem số tài sản trộm được đến bán cho bà N được số tiền 5.600.000 đồng, A chia cho L số tiền 2.000.000 đồng. Riêng đối với cuộn lưới B40, 02 cây sắt tròn dài khoảng 06 mét bà N không đồng ý mua nên cả 03 để lại tại bãi đất trống gần nhà An. Sau khi sự việc bị phát hiện L đã giao nộp lại cuộn lưới B40, 02 cây sắt tròn dài 06 mét cho Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 73/HĐĐGTSTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V kết luận: Tổng trị giá tài sản bị mất trộm theo trình bày của bị hại là 24.556.750 đồng (trong đó: Trị giá tài sản thu hồi được là 4.970.000 đồng (gồm 02 cây sắt tròn giá 1.580.000 đồng, 02 cuộn kẽm gai trị giá 2.640.000 đồng, cuộn lưới B40 trị giá 750.000 đồng; trị giá tài sản không thu hồi được theo kết luận định giá là 19.586.750 đồng gồm: 01 cây sắt hộp kích thước (50 x 25)mm dài 06 mét trị giá 235.000 đồng, 20 cây sắt hộp, kích thước (30 x 60)mm dài 06 mét trị giá 5.660.000 đồng, 50 cây sắt hộp dài 02 mét trị giá 4.716.700 đồng, 50 cây sắt hộp dài 03 mét trị giá 7.075.050 đồng, 25 tấm tole trị giá 1.600.000 đồng và quạt thông gió trị giá 300.000 đồng). Riêng đối với 02 khung cửa sắt, 02 vĩ sắt, 02 đà sắt không định giá được do tài sản không thu hồi được và không có hóa đơn chứng từ.

Ngày 29/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long tiến hành định giá với 02 khung cửa sắt, 02 vĩ sắt, 02 đà sắt loại sắt phi dài 08 mét. Tại Công văn số 20/HĐ.ĐGTS ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long trả lời từ chối định giá tài sản do Hội đồng không đủ cơ sở để định giá.

Quá trình điều tra Lê Đỗ Phước L không thừa nhận đã lấy trộm quạt thông gió như lời trình bày của chị Nguyễn Anh T. Do ngoài lời khai của bị hại khai về việc mất trộm quạt thông gió, bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh về nguồn gốc tài sản đã bị mất trộm, Cơ quan điều tra cũng không thu hồi được quạt thông gió nên không đủ căn cứ xác định số tài sản bị mất như bị hại trình bày mà chỉ đủ căn cứ xác định L đã lấy trộm của bị hại số tài sản có giá trị là 24.256.750 đồng như L đã thừa nhận.

Trong quá trình điều tra Lê Đỗ Phước L có biểu hiện tâm thần bất thường nên ngày 16/3/2023 Cơ quan điều tra đã có Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Lê Đỗ Phước L.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 108/2023/KLGĐ ngày 05/4/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10).

Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản án sơ thẩm số: 109/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Đỗ Phước L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đỗ Phước L 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án 29/11/2023.

Giao bị cáo Lê Đỗ Phước L cho Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2024 bị hại Nguyễn Anh T có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo xin hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa không ý kiến bổ sung.

Luật sư Lê Hữu P phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo: Đề nghị y án sơ thẩm.

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến bảo lưu nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Giữ y án sơ thẩm. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót cần phải bổ sung cho đầy đủ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đỗ Phước L 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án 29/11/2023.

Giao bị cáo Lê Đỗ Phước L cho Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Anh T đã đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Trên cơ sở từ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra; phù hợp với lời khai của những người liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Do muốn có tiền để tiêu xài nên khoảng 17 giờ ngày 12/11/2022, bị cáo cùng Châu Gia N và Nguyễn Bình A đột nhập vào khuôn viên sân nhà số 135A đường 2/9 Phường 1, thành phố V của chị Nguyễn Anh T lén lút lấy trộm nhiều loại sắt gồm sắt phi, sắt hộp, sắt gân, tole. Đến khoảng 01 giờ ngày 13/11/2022, bị cáo cùng N, A tiếp tục quay lại nhà số 135A để lấy trộm sắt hộp loại 03 mét và 06 mét, sắt gân, vĩ sắt, khung cửa sắt, 02 cuộn chì gai, lưới B40. Theo kết luận định giá tài sản trị giá tài sản lấy trộm là 24.256.750 đồng.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Đỗ Phước L phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và được sự rủ rờ của Nguyễn Bình A mà bị cáo thực hiện hành vi đột nhập vào nhà của bị hại lấy đi nhiều loại sắt gồm sắt phi, sắt hộp, sắt gân, tole. Bị cáo 02 ngày liên tục đến lấy trộm tài sản của bị hại nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý Nêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét thấy kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm của bị hại Nguyễn Anh T là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, cơ quan tiến hành tố tụng đã nhiều lần lấy lời khai, tiến hành đối chất cũng như thu thập chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận việc trộm cắp tài sản là do Nguyễn Bình A rủ rê và bị cáo cùng với Bình A, Châu Gia N thực hiện việc trộm tài sản, không có ai khác tham gia cũng như không có ai thuê mướn. Bị cáo xác định không có việc Nguyễn Thị Thanh L và Nguyễn Thành Mãi thuê đi xẹt sơn và lấy trộm tài sản của bị hại (lời khai tại các bút lục 104-115, 249-256, 259-260). Lời khai của bị cáo và Châu Gia N cũng đã phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hiện nay đối tượng Nguyễn Bình An đang lẩn trốn và đang bị truy nã do đó Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án và tạm đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Bình A, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là đúng pháp luật.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của bị hại và đề nghị bổ sung Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Anh T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 109/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đỗ Phước L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án 29/11/2023.

Giao bị cáo Lê Đỗ Phước L cho Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Đồng thời, trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TPVL: 02;
- CQTHADS TPVL: 01;
- CQTHAHS TPVL: 01;
- TTG, BC, ĐDBC, NBC: 05;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND phường 5: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm